

Grade 1

**HOMEWORK: WEEK 23**

**Exercise 1: Look and match. (em hãy nhìn tranh và nối với từ đúng.)**



shop

house

library

park

café



**Exercise 2: Choose the best answer. (Em hãy chọn từ đúng để hoàn thành câu.)**

bedroom

bathroom

kitchen

1. This is the \_\_\_\_\_



bedroom

bathroom

kitchen

2. This is the \_\_\_\_\_



bedroom

bathroom

living room

3. This is the \_\_\_\_\_



dining room

bathroom

kitchen

4. This is the \_\_\_\_\_



bedroom

bathroom

kitchen

5. This is the \_\_\_\_\_



**Exercise 3: Read and match.** (Em hãy đọc và nối tranh với câu đúng.)

1



He's in the library.

2



She's in the shop.

3



It's in the park.

4



He's in the café.

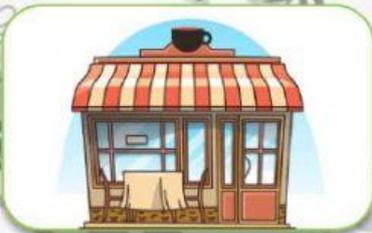
**Exercise 4: Write the missing letter. (Em hãy điền chữ cái còn thiếu.)**



1. hou\_e



2. \_ark



3. c\_fe

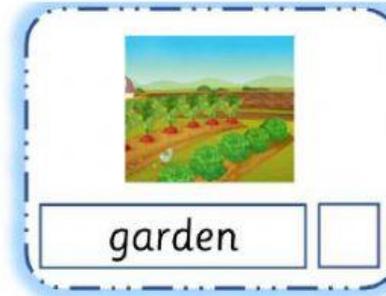


4. lib\_ary



5. sho\_

**Exercise 5: Tick or cross. (Em hãy đánh dấu V hoặc X.)**



**Exercise 3: Look and choose Yes / No (Em hãy chọn Yes-đúng / No-sai.)**

**Anna**



- |                              |            |
|------------------------------|------------|
| 1. Anna's got a brown dog.   | <u>Yes</u> |
| 2. Jack's got a blue parrot. | -----      |
| 3. Anna's got a mouse.       | -----      |
| 4. Jack's got a fish.        | -----      |
| 5. Jack's got a rabbit.      | -----      |
| 6. Anna's got a red parrot.  | -----      |
| 7. Anna's got a blue parrot. | -----      |
| 8. Jack's got a mouse.       | -----      |

**Exercise 4: Look, read and match. (Em hãy nhìn, đọc và nối với câu mô tả thích hợp)**



**It's in the garden**

**It's in the bedroom**

**It's in the kitchen**

**It's in the bathroom**